

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐƠN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HS-ST

Ngày: 07/11/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Thành

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Phương và ông Nguyễn Lam Điền

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phan Như Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk xét xử trực tuyến sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo: Bé Thị Đ, sinh năm 2001; tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Bé Văn T, sinh năm 1970 và bà Hứa Thị M, sinh năm 1978; Chồng Triệu Văn D, sinh năm 1998; có 02 con (con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2022).

-Tiền án, tiền sự: Không.

-Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

-Người bào chữa cho bị cáo: Bà Hoàng Thị Thủy – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

-Người phiên dịch tiếng dân tộc Nùng: Bà Nông Thị Hảo: Chủ tịch hội Nông dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 8 năm 2022, Bé Thị Đ lên mạng xã hội Facebook để tìm kiếm việc làm, lúc này Đ thấy một người (không rõ nhân thân, lai lịch) đăng bán các sản phẩm về móng và da động vật nên đã nảy sinh ý định mua về với mục đích bán lại kiếm lời. Sau đó, Đ có nói chuyện và kết bạn với người này qua mạng xã hội Zalo với nick name “Nam cá sấu”. Đến ngày 31/5/2023, Đ liên hệ với đối tượng này đặt mua 10 (mười) cái móng động vật thì được người này đồng ý và báo số tiền là 1.500.000 đồng, đồng thời tặng kèm cho Đ 04 (bốn) miếng da động vật (Đ khai nhận đó là móng gấu và da hổ), đối tượng này hẹn Đ giao hàng ở khu vực đường tỉnh lộ 5 khu vực giáp ranh giữa xã E, huyện B với xã C, thành phố B. Sáng ngày 01/6/2023, Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 69E1 – 279.79, nhãn hiệu Honda, loại xe Air Blade, màu sơn đỏ - đen

đi từ nhà ở thôn A, xã C đến điểm hẹn và có một người đàn ông lạ mặt đến giới thiệu là “Nam cá sấu”, sau đó Đ đưa cho người này số tiền 1.500.000 đồng rồi nhận 01 (một) hộp giấy, Đ kiểm tra bên trong có 10 (mười) móng động vật và 04 (bốn) miếng da động vật, nhận được hàng Đ mang về cất giấu trong phòng ngủ tại nhà riêng thuộc thôn A, xã C, huyện B, tỉnh Đ. Sau khi có hàng, Đ lên mạng xã hội Facebook đăng bán số móng động vật và da động vật nói trên thì được một người có tài khoản tên “Phương Hân” đặt mua 02 (hai) cái móng động vật với giá 230.000 đồng/cái và 04 (bốn) miếng da động vật với giá 200.000 đồng. Tổng số tiền khách đặt mua hàng là 660.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi ngàn đồng) và hẹn chiều ngày 02/6/2023 giao hàng ở quán cà phê Thủy Trúc (thuộc thôn Q, xã E, huyện B, tỉnh Đ)

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 02/6/2023, Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 69E1 – 279.79 đi từ nhà đến quán cà phê T để giao số hàng mà trước đó khách đặt, khi đến điểm hẹn chưa kịp giao hàng thì Đ bị Cơ quan CSĐT Công an huyện B phát hiện và thu giữ số tang vật gồm 02 cái móng động vật và 04 miếng da động vật, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Microsoft, màu đen xanh; 01 xe mô tô biển kiểm soát 69E1 – 279.79, nhãn hiệu Honda, loại xe Air Blade, màu sơn đỏ - đen.

Quá trình khám xét nơi ở của Bé Thị Đ tại thôn 12, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk Cơ quan CSĐT Công an huyện B phát hiện và thu giữ 08 (tám) móng động vật màu đen có kích thước tương tự nhau 05cm x 04cm, bên trên có bám lông màu đen (Đ khai nhận đây là móng gấu).

Tại các bản Kết luận giám định động vật số 1019/STTNSV ngày 30/6/2023 và số 1478/STTNSV ngày 15/9/2023 của Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Viện sinh thái và Tài nguyên sinh vật kết luận:

Xác định tên loài động vật:

1) 10 (mười) móng động vật là móng Gấu, kết quả phân tích ADN của 02 (hai) mẫu là móng loài Gấu ngựa có tên khoa học *Ursus thibetanus*, 08 (tám) mẫu là móng loài Gấu chó có tên khoa học *Helarctos malayanus*. Gấu ngựa và Gấu chó thuộc lớp Thú.

2) 04 (bốn) miếng da động vật do đã bị xử lý hóa chất nên không xác định được loài.

Xác định tình trạng bảo tồn theo pháp luật:

1) Loài Gấu ngựa và Gấu chó có tên trong Phụ lục I, Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, ban hành kèm theo Nghị định 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ. Loài Gấu ngựa và Gấu chó có tên trong Nhóm IB, Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm ban hành kèm theo Nghị định 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ. Loài Gấu ngựa và Gấu chó có tên trong Phụ lục I, Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) ban hành kèm theo thông báo số 25/TB-CTVN ngày 17/02/2023 của Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam.

2) Cơ quan giám định không đủ cơ sở khoa học để xác định các mẫu móng Gấu ngựa và Gấu chó là của bao nhiêu cá thể Gấu ngựa và Gấu chó. Móng động vật là sản phẩm của loài động vật, móng động vật không phải là bộ phận không thể tách rời sự sống.

Ngày 18/7/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện B ra Quyết định trưng cầu giám định số 384/QĐ-ĐCSKT-MT, trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk

đối với: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 69E1 – 279.79, nhãn hiệu Honda, số loại Air Blade, màu sơn đen – đỏ và 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô số 199451, mang tên Nguyễn Văn Tường 1992; địa chỉ: Khóm 2, TT Cái Nước, Cái Nước, CM; Biển số đăng ký 69E1 – 279.79 ghi Công an huyện C, tỉnh M cấp ngày 12 tháng 05 năm 2015.

Tại bản Kết luận giám định số 884/KI-KTHS ngày 01/8/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận:

1. Xe mô tô (kí hiệu A1) có: Số khung: Không thay đổi, Số máy: Không thay đổi.
- Biển số: Biển số giả.

2. chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 199451, mang tên Nguyễn Văn T 1992 (kí hiệu A2) là giả.

Tại Bản cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 16/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Đ truy tố bị cáo Bé Thị Đ về tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Bé Thị Đ thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi của mình phù hợp với nội dung cáo trạng đã truy tố.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi đánh giá tính chất vụ án, phân tích đánh giá các chứng cứ buộc tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Bé Thị Đ phạm tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự.

Và đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 244; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bé Thị Đ từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú và gia đình giám sát, giáo dục.

Về xử lý Vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu tiêu hủy 10 (mười) cái móng Gấu đã cắt phần gốc để lấy mẫu giám định và 04 (bốn) miếng da động vật.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Microsoft, màu đen xanh.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe Air Blade màu sơn đỏ -đen mang biển kiểm soát 69E1-279.79 là biển số giả và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 199451, mang tên Nguyễn Văn T là giả. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tách chiếc xe này ra khỏi vụ án để tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý theo qui định của pháp luật là phù hợp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Bé Thị Đ thừa nhận luận tội và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì thêm mà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm có điều kiện đoàn tụ gia đình phấn đấu trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Trợ giúp viên pháp lý trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo: Về cơ bản nhất trí với luận tội và quan điểm xử lý vụ án, cũng như đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Bé Thị Đ của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải đối với hành vi phạm

tội của mình. Bị cáo là phụ nữ đang nuôi 02 con nhỏ, có một con mới 16 tháng tuổi và có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú tại xã đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất mà Kiểm sát viên đề nghị để bị cáo có điều kiện phấn đấu thành công dân có ích và đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và không bị ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng đối với vụ án nên toàn bộ hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai của bị cáo Bé Thị Đ tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở xác định:

Vào ngày 02/6/2023 Bé Thị Đ đã thực hiện hành vi buôn bán trái phép 02 móng và tàng trữ trái phép 08 móng loài Gấu (Gấu ngựa, gấu chó)- là sản phẩm của động vật có tên trong Phụ lục I Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ban hành kèm theo Nghị định 64/2019/NĐ-CP ngày 16/07/2019 của Chính phủ; có tên trong Phụ lục I, Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) ban hành kèm theo Thông báo số 296/TB-CTVN- HTQT ngày 27/11/2019 của Cơ quan quản lý CITES Việt Nam. Loài Gấu chó còn có tên trong Nhóm IB, Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, ban hành kèm theo Nghị định 84/2021/NĐ-CP ngày 22/09/2021 của Chính phủ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về bảo vệ động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm; Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi buôn bán trái phép sản phẩm động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi bị cáo đã cố ý thực hiện

Xét phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Bé Thị Đ phạm tội “vi phạm qui định về bảo vệ động nguy cấp, quý, hiếm” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự.

Tại điểm b khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào vi phạm qui định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, nhóm 1 B hoặc phụ lục 1 công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

b) Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật qui định tại điểm a khoản 1 điều này”

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo cũng như yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm này tại địa phương, Hội

đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tương xứng mới có tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung, đáp ứng yêu cầu phòng, chống loại tội phạm này tại địa phương trong tình hình hiện nay.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là phụ nữ hiện đang nuôi 2 con nhỏ (trong đó có 1 con sinh năm 2022) và thuộc hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên có những hạn chế nhất định về mặt nhận thức pháp luật. Vì vậy, cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm cho bị cáo một phần trách nhiệm hình sự thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[6] Về áp dụng hình phạt: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo về việc áp dụng hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật và thỏa đáng, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng và đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Bé Thị Đ có hoàn cảnh khó khăn và thuộc hộ nghèo, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Đối với 10 (mười) cái móng Gấu đã cắt phần gốc để lấy mẫu giám định và 04 (bốn) miếng da động vật cần tịch thu để tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Microsoft, màu đen xanh là phương tiện bị cáo sử dụng để liên hệ mua bán các móng gấu. Cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe Air Blade màu sơn đỏ -đen mang biển kiểm soát 69E1-279.79 là biển số giả và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 199451, mang tên Nguyễn Văn Tường là giả. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tách ra khỏi vụ án để tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý theo qui định của pháp luật là phù hợp qui định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo Bé Thị Đ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn thuộc hộ nghèo. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bé Thị Đ phạm tội: “Vi phạm qui định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 244, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bé Thị Đ 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bé Thị Đ cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Đ giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 10 (mười) cái móng Gấu đã cắt phần gốc để lấy mẫu giám định và 04 (bốn) miếng da động vật.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Microsoft, màu đen xanh.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/10/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B và Chi cục thi hành án dân sự huyện B).

3. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí tòa án. Bị cáo Bé Thị Đ được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn (02 bản);
- Phòng PV 27 – Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng GDKT 2 TANDCC tại Đà Nẵng;
- Cơ quan THAHS CA huyện Buôn Đôn;
- Cơ quan CSĐT Công an h Buôn Đôn;
- Chi cục T.H.ADS huyện Buôn Đôn;
- Bị cáo
- Người bào chữa
- Lưu hồ sơ, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nguyễn Sỹ Thành